

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA SÚP  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020.

V/v: “*TrA chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Xuân và bà Phạm Bích Loan.

**- Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn ThA Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên toà:** Bà Ngụ Lê Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “*TrA chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị Kim A**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn N, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

*Bị đơn:* A **Lương Văn T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

(*Chị A có mặt, A T vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim A trình bày:*

Chị và A Lương Văn T chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/08/2016. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì do A T không lo làm ăn, ham chơi, thường xuyên rượu chè, hiện nay A T đã có quan hệ T cảm với người phụ nữ khác. Chị nhận thấy hiện nay T cảm vợ chồng không còn tiếp tục chung sống cũng

không hạnh phúc, chỉ làm tổn thương nhau và ảnh hưởng đến con cái nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A T.

Về con chung: Chị và A T có 01 con chung là cháu Luon Thị Diễm M – sinh ngày: 14/01/2018. Khi ly hôn chị nhận nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/tháng kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn xong đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và A T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai bị đơn A Lương Văn T trình bày:*

A và chị Đinh Thị Kim A chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/08/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng có cãi nhau, nhưng mâu thuẫn nhỏ, chưa trầm trọng. A nhận thấy hiện nay T cảm vợ chồng vẫn còn, nếu bỏ qua cho nhau thì vẫn có thể chung sống để nuôi dạy con cái, vợ chồng sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn. Nên nay chị A yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị A có 01 con chung là cháu Luon Thị Diễm M – SN: 14/01/2018. Nếu buộc phải ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh và chị A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn T cố ý vắng mặt, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt 02 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lương Văn T không đến làm việc, vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không thể tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án huyện Ea Súp căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản công khai chứng cứ và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/06/2020, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn anh Lương Văn T không chấp hành, vắng mặt không có lý do chính đáng.

Về nội dung vụ án căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Kim A, xử cho chị Đinh Thị Kim A được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Luon Thị Diễm M – sinh ngày: 14/01/2018 cho chị Đinh Thị Kim A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/01 tháng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Lương Văn T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Đinh Thị Kim A và anh Lương Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/08/2016, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy T trạng hôn nhân giữa chị Đinh Thị Kim A và anh Lương Văn T mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên bảo nhưng hai vợ chồng không thể nào hàn gắn, mỗi người một quan điểm sống khó có cơ hội đoàn tụ với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị Kim A và anh Lương Văn T có 01 con chung là cháu Luon Thị Diễm M – sinh ngày: 14/01/2018, xét về điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M của chị A cũng đáp ứng được vì cháu M dưới 36 tháng tuổi nên cần chấp nhận giao cháu M cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị A yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/01 tháng là phù hợp nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mà chị A yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lương Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Kim A.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Kim A được ly hôn với anh Lương Văn T.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Lương Thị Diễm M – sinh ngày: 14/01/2018 cho chị Đinh Thị Kim A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000<sup>d</sup>/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Lương Văn T không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom cháu M để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đinh Thị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu M của anh T. Chị Đinh Thị Kim A cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh T đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Đinh Thị Kim A phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp theo biên lai thu số 0003293 ngày 03/06/2020. Anh Lương Văn T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án .

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Trung Kiên**